

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

Kinh Môn, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc "*yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận vợ chồng*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 01-01-1935. Số căn cước công dân: 030071012753. Cấp ngày 22-12-2022. Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Khu dân cư P, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Chương- Chủ tịch

- Anh Phạm Văn K, sinh ngày 03-5-1971. Số căn cước công dân: 030071012753. Cấp ngày 22-12-2022. Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Đào Thị D, sinh ngày 19-5-1970. Số căn cước công dân: 030170015242. Cấp ngày 16-8-2021. Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đều trú tại: Khu dân cư H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Bà M, anh K, chị D, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của bà Nguyễn Thị M các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Văn K, chị Đào Thị D là con dâu của bà. Anh K và chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Sơn, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) vào ngày 04-3-1989. Trước lúc kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh K chưa đủ tuổi đăng ký. Theo căn cước công dân thể hiện anh K sinh ngày 03-5-1971. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh K mới được 17 tuổi 10 tháng 01 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Anh K và chị D kể từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, có 02 con chung. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy đăng ký kết hôn giữa chị D và anh K do UBND xã Hiệp Sơn (nay là phường Hiệp Sơn) cấp ngày 04-3-1989.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D trình bày:

Anh chị có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Sơn (nay là phường Hiệp Sơn) vào ngày 04-3-1989. Trước lúc kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ghi tên chồng là Phạm Văn K, sinh năm 1970. Theo căn cước công dân thể hiện anh K, sinh ngày 03-5-1971. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh mới đủ 17 tuổi 10 tháng 01 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

Anh chị kể từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, có 02 con chung là Phạm Thị Duyên, sinh năm 1990; Phạm Văn Hiếu, sinh năm 1995.

Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy đăng ký kết hôn của anh chị ngày 04-3-1989, anh chị không đồng ý. Đến thời điểm này anh K đã đủ tuổi kết hôn theo quy định nên cùng đề nghị Tòa án công nhận anh chị là vợ chồng kể từ thời điểm đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn trình bày :

Chị Đào Thị D và anh Phạm Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Sơn (nay là phường Hiệp Sơn) vào ngày 04-3-1989. Tại sổ đăng ký kết hôn số 11/1989 ghi tên chồng là Phạm Văn K, sinh năm 1970 và vợ là Đào Thị D, sinh năm 1970. Đối chiếu với giấy khai sinh và căn cước công dân của anh K thể hiện anh sinh ngày 3-5-1971 là không đủ tuổi đăng ký kết hôn theo

quy định. Quan điểm của địa phương đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của chị Đào Thị D và anh Phạm Văn K do UBND xã Hiệp Sơn (phường Hiệp Sơn) cấp ngày 04-3-1989.

Tại phiên họp: Bà M, anh K, chị D, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn đều có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 04-3-1989 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Sơn, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đào Thị D và anh Phạm Văn K kể từ ngày 03-5-1991.

3. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị M không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D. Anh K và chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Sơn, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương). Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng với thẩm

quyền quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà M, anh K, chị D, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt bà M, anh K, chị D, Ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Đào Thị D và anh Phạm Văn K, do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Sơn (phường Hiệp Sơn) cấp số 11 ngày 04-3-1989. Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi năm sinh của anh Phạm Văn K là 1970. Đối chiếu với Giấy khai sinh và Căn cước công dân của anh K thể hiện ngày tháng năm sinh của anh là 03-5-1971. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh K mới được 17 tuổi 10 tháng 01 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký theo quy định tại Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Anh K và chị D không đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận anh chị là vợ chồng kể từ thời điểm anh K đủ tuổi theo quy định. Ủy ban nhân dân phường Hiệp Sơn đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh K và chị D.

Yêu cầu của bà M là có căn cứ tuy nhiên anh K và chị D đều đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà. Áp dụng Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị D kể từ ngày 03-5-1991.

[3]. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị M không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 04-3-1989 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Sơn, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D kể từ ngày 03-5-1991.

3. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị M không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Phạm Văn K và chị Đào Thị D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Nguyệt